

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 09/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung

Ngày 09/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2022/TLST-DS, ngày 13/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-DS ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: số 2 đường L, phường T, quận B, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T1 – Giám đốc Ngân hàng N –

Chi nhánh huyện Giồng Trôm

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lê Minh K – Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Giồng Trôm (theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2023)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 343, tổ 2, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn V, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 343, tổ 2, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

Ông K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà P, ông V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Ngân hàng N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh K trình bày:

Bà Phạm Thị Hồng P có vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện G-Bến Tre theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021, số tiền vay 440.000.000 đồng, mục đích vay: xây hàng rào và mua đồ trang trí nội thất,

ngày giải ngân: 06/5/2021, thời hạn vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ: 1 kỳ, ngày trả nợ cuối cùng: 15/4/2022, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N-Chi nhánh huyện G đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay theo đúng Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021 mà hai bên đã ký kết.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V có thể chấp cho Ngân hàng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.16.042/HĐTC ngày 07/02/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.16.159/HĐSD,BS ngày 29/4/2021. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 366, tờ bản đồ 20, diện tích 471,3m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ 19, diện tích 3.382,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 13/01/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 300, tờ bản đồ 19, diện tích 986,5m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được chứng thực ngày 07/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/02/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G.

Sau khi nhận được số tiền vay, đến kỳ hạn trả nợ ngày 15/4/2022 bà P chưa thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng có yêu cầu bà P trả tất nợ vay, bà P nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện. Hiện tại bà P đã vi phạm thỏa thuận trả nợ trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 11/11/2022, bà P còn nợ tại Ngân hàng N-Chi nhánh huyện G số tiền gốc 440.000.000 đồng, tiền lãi 59.131.782 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G đại diện nhận) tổng số tiền tính đến ngày 11/11/2022 là 499.131.782 đồng (tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi là 59.131.782 đồng).

Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 12/11/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Theo bị đơn bà Phạm Thị Hồng P trình bày:

Vào ngày 29/4/2021, bà P có đại diện gia đình vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G số tiền 440.000.000 đồng, mục đích vay: xây hàng rào và mua đồ trang trí nội thất phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà P và chồng là ông Nguyễn V có thể chấp tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Thửa 366, tờ bản đồ 20, diện tích 471,3m² tọa lạc tại xã C.
- Thửa 239, tờ bản đồ 19, diện tích 3.382,4m² tọa lạc tại xã C.
- Thửa 300, tờ bản đồ 19, diện tích 986,5m² tọa lạc tại xã C.

Bà P thừa nhận tính đến ngày 11/11/2022 vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G số tiền là 499.131.782 đồng (tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi là 59.131.782 đồng). Vợ chồng bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin Ngân hàng cho gia hạn vài tháng để ông bà tự bán đất trả nợ. Tuy nhiên, đến nay bà P vẫn không thực hiện được việc trả nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn V đến để tiến hành hòa giải nhưng ông Minh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Lê Minh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng N yêu cầu bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G đại diện nhận) tổng số tiền tính đến ngày 09/6/2023 là 537.924.109 đồng (tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 75.098.356 đồng, lãi quá hạn là 22.825.753 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ 10/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền là để xây hàng rào và mua đồ trang trí nội thất nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với bà Phạm Thị Hồng P được các bên ký kết, thực hiện tại huyện G, tỉnh Bến Tre. Đồng thời bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K.

- Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P và ông Minh.

[2] Về nội dung:

Nhận thấy: giữa bà Phạm Thị Hồng P và Ngân hàng N chi nhánh huyện G-Bến Tre có ký Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021. Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền số 2021.07.16.159 ngày 29/4/2021 thì bà P ký hợp đồng tín dụng với tư cách là người đại diện cho hộ gia đình gồm bà P và chồng là ông Nguyễn V để vay vốn tại Ngân hàng. Theo đó: Ngân hàng cho bà P vay số tiền 440.000.000 đồng, mục đích vay: xây hàng rào và mua đồ trang trí nội thất, ngày giải ngân: 06/5/2021, thời hạn vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ: 1 kỳ, ngày trả nợ cuối cùng: 15/4/2022, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Đồng thời, giữa bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn V và Ngân hàng N chi nhánh huyện G-Bến Tre cũng ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.16.042/HĐTC ngày 07/02/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.16.159/HĐSD,BS ngày 29/4/2021 để đảm bảo cho khoản vay trên, theo đó tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 366, tờ bản đồ 20, diện tích 471,3m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ 19, diện tích 3.382,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 13/01/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 300, tờ bản đồ 19, diện tích 986,5m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Sau khi nhận được số tiền vay, đến kỳ hạn trả nợ ngày 15/4/2022 bà P đã không thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, đã vi phạm các điều khoản mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021; Ngân hàng có yêu cầu bà P trả tất nợ vay, bà P nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện. Do đó, việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán nợ là có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, khoản nợ này được bà P xác lập với tư cách là người đại diện cho hộ gia đình vay vốn; khoản nợ này được bà P xác lập trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng vào mục đích xây hàng rào và mua đồ trang trí nội thất phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, phía ông Minh cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do vậy, cần buộc

ông Nguyễn V phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Phạm Thị Hồng P trả khoản nợ này cho Ngân hàng. Như vậy bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 09/6/2023 là 537.924.109 đồng (tiền gốc là 440.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 75.098.356 đồng, lãi quá hạn là 22.825.753 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ 10/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.16.042/HĐTC ngày 07/02/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.16.159/HĐSD,BS ngày 29/4/2021 xét thấy: các hợp đồng cũng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đồng thời hợp đồng thế chấp đã được chứng thực ngày 07/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/02/2020 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G theo đúng quy định nên các hợp đồng này cũng có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, bà P ông Minh đồng ý thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Do vậy, trong trường hợp bà P ông Minh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên bà P ông Minh phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 25.516.964 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Buộc bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G đại diện nhận) tổng số tiền tính đến ngày 09/6/2023 là 537.924.109 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm lẻ chín đồng). Trong đó, tiền gốc là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 75.098.356 đồng (bảy mươi lăm triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 22.825.753 đồng (hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm

năm ba đồng). Bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn V còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202102864 ngày 29/4/2021 từ 10/6/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị Hồng P, ông Nguyễn V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.07.16.042/HĐTC ngày 07/02/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2021.07.16.159/HĐSD,BS ngày 29/4/2021, tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 366, tờ bản đồ 20, diện tích 471,3m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ 19, diện tích 3.382,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 13/01/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 300, tờ bản đồ 19, diện tích 986,5m² do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V ngày 26/10/2015.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.516.964 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm mười sáu nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.982.000 (mười một triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011202 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương